TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2024/DS-PT
Ngày: 25/11/2024
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thanh.

Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo là thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Bà Lữ Thị Xuân Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 91/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 209/2024/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 208/2024/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Huỳnh Thị H, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Thành phố Q, tỉnh Bình Định. (có mặt)

2. *Bị đơn*: Chị Bùi Thị Thu H, sinh năm: 1979; Địa chỉ: thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. (có mặt)

- *Người kháng cáo*: Chị Bùi Thị Thu H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị H trình bày:

Chị và chị Bùi Thị Thu H quen biết từ năm 2016. Năm 2020, chị H bắt đầu tham gia chơi hụi do chị cầm cái. Đến năm 2021 chị H cần vốn kinh doanh nên có hỏi chị vay mượn tiền, chị đồng ý. Chị H vay tiền nhiều lần, khi vay chị H viết giấy vay rồi chụp gửi qua zalo cho chị, sau đó chị đưa tiền cho chị H mượn. Giao dịch mượn tiền rất nhiều lần, có lúc chị giao tiền tiền mặt, có lúc gửi qua tài khoản

ngân hàng. Trong năm 2021 chị H đã thanh toán trả tiền cho chị rất sòng phẳng cả tiền gốc và tiền lãi.

Từ đầu năm 2022 đến tháng 7 năm 2023 (ÂL), chị tiếp tục cho chị H vay tiền tất cả 13 lần với tổng số tiền là 5.850.000.000 đồng, mục đích vay để kinh doanh; khi vay giữa hai bên có thoả thuận miệng mức lãi suất cho vay từ 5% - 8%/ tháng, lãi trả hàng tháng. Vì tin tưởng nhau nên khi vay mượn tiền chị H điện thoại rồi chị đưa tiền cho chị H, không có viết giấy mượn. Tất cả những lần cho chị H vay tiền (13 lần) đa số chị giao bằng tiền mặt. Đối với khoản tiền lãi hàng tháng chị H trả cho chị bằng cách chuyển vào tài khoản ngân hàng. Sau khi vay tiền, chị H đã trả lãi cho chị đến tháng 7/2023, còn tiền gốc chưa trả. Từ tháng 8/2023 đến nay chị H không trả gốc và lãi, chị nhiều lần yêu cầu nhưng chị H cố tình né tránh.

Ngày 11/09/2023, chị H đến nhà chị viết giấy cam kết trong vòng 02 tháng sẽ trả trước cho chị 2.2 tỷ đồng, nếu không trả thì sẽ chuyển nhượng Căn hộ chung cư Phú Tài P của chị H cho chị. Nhưng sau đó chị được biết căn hộ chung cư Phú Tài P của chị H đang thế chấp tại ngân hàng nên chị đã yêu cầu chị Hương chốt lại số nợ và hướng trả nợ.

Khoảng ngày 21/9/2023 (sau ngày viết giấy cam kết 10 ngày), chị H đến nhà chị, hai bên đã chốt lại các khoản nợ, tính đến tháng 9/2023 chị H còn nợ chị tổng cộng 5.850.000.000 đồng (Năm tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng). Giấy nợ là chị H trực tiếp viết và ký tên. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị H phải trả cho chị 5.850.000.000 đồng, chị không yêu cầu tiền lãi.

Bị đơn chị Bùi Thị Thu H trình bày:

Chị quen biết chị H như chị H trình bày. Đến năm 2021 vì cần vốn kinh doanh nên chị có mượn tiền của chị Hoa và trả tiền lãi hàng tháng, sau một thời gian thì chị trả hết gốc, lãi đã mượn cho chị H. Giao dịch vay mượn và trả tiền giữa chị và chị H rất nhiều lần đều bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng.

Từ ngày 01/02/2022 đến tháng 8/2023 (ÂL) chị có vay tiền của chị H nhiều lần, với mục đích kinh doanh. Khi vay, chị gọi điện hỏi mượn và viết giấy vay tiền chụp lại gửi qua zalo cho chị H rồi chị H chuyển tiền cho chị qua tài khoản ngân hàng. Vì giữa chị và chị H giao dịch mượn tiền rất nhiều lần nên chị không nhớ cụ thể. Lúc vay tiền, hai bên có thoả thuận miệng lãi suất cho vay là: tháng đầu tiên 15%/tháng, tháng thứ 2 giảm còn 13%/tháng, tháng thứ ba giảm còn 11%/tháng và giữ nguyên mức lãi suất 11%/tháng cho các khoản vay sau này. Các lần vay mượn tiền, trả tiền gốc cũng như trả tiền lãi giữa chị và chị H đều bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng. Tính đến tháng 8/2023 chị đã trả hết tiền gốc và lãi cho chị H.

Giấy cam kết ngày 11/9/2023 và giấy mượn tiền với số tiền 5.850.000.000 đồng là do chị viết, nhưng chị bị chị H bắt ép viết chứ thực tế chị đã trả hết nợ cho chị H. Nay chị Hoa yêu cầu chị phải trả số tiền 5.850.000.000 đồng, chị không đồng ý vì chị đã trả hết cả gốc và lãi cho chị H.

Bản án dân sự sơ thẩm số 209/2024/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị H.

- Buộc chị Bùi Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh Thị H 5.850.000.000 đồng (Năm tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng).

- Bác lời nại của chị Bùi Thị Thu H đã trả hết tiền gốc.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, bị đơn chị Bùi Thị Thu H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên Tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Đề nghị HĐXX không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn chị Bùi Thị Thu H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận từ đầu năm 2022 đến khoảng tháng 7 năm 2023 chị H có vay mượn tiền nhiều lần của chị H nhưng tranh chấp về số tiền vay mượn.

Chị H căn cứ vào giấy cam kết ngày 11/09/2023, chị H cam kết trong vòng 02 tháng sẽ trả trước cho chị 2.2 tỷ đồng, nếu không trả thì sẽ chuyển nhượng Căn hộ chung cư Phú Tài P của chị H cho chị và giấy chốt nợ với số nợ chị H còn nợ chị là 5.850.000.000 đồng. Do đó chị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị H phải trả cho chị 5.850.000.000 đồng, chị không yêu cầu tiền lãi.

Chị H cho rằng chị không nhớ cụ thể số tiền cho mượn nhưng căn cứ vào việc chuyển tiền qua lại qua tài khoản ngân hàng của chị H là 0431000266902 tại Ngân hàng Vietcombank thì trong năm 2023 chị H chuyển khoản cho chị mượn tiền tổng cộng 21 lần với số tiền là 6.700.000.000đ; chị đã chuyển tiền trả cho chị H là 25 lần với tổng số tiền là 7.000.000.000đ, chênh lệch là 300.000.000đ. Do đó chị đã trả nợ xong cho chị H. Chị H thừa nhận Giấy cam kết ngày 11/9/2023 và giấy chốt nợ với số tiền 5.850.000.000 đồng là chị viết, nhưng chị bị chị H bắt ép viết chứ thực tế chị đã trả hết nợ cho chị H. Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị trả cho chị H số tiền 5.850.000.000 đồng, chị không đồng ý vì chị đã trả hết cả gốc và lãi cho chị H nên chị kháng cáo yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xem xét lại.

HĐXX xét thấy: Các lần chuyển khoản cho vay mượn qua lại giữa chị H và chị H theo cung cấp của chị H đều diễn ra từ tháng 01 đến tháng 07 năm 2023. Tuy nhiên, Giấy cam kết ngày 11/9/2023 và giấy chốt số tiền chị H còn nợ chị H là 5.850.000.000 đồng được chị H thừa nhận chữ viết và chữ ký của chị H, hai bên cũng thống nhất giấy chốt nợ được lập sau giấy cam kết khoảng 10 ngày. Tức là hai giấy này được lập sau thời điểm 2 bên phát sinh các khoản tiền chuyển khoản như chị H trình bày. Đồng thời trong sao kê tài khoản ngân hàng chị H cung cấp không ghi nội dung chuyển khoản, do đó không xác định được khoản nào là tiền vay và số tiền vay tổng cộng là bao nhiêu, khoản nào là tiền chơi hụi, khoản nào là tiền góp hàng ngày. Mặt khác, chị H cũng không có chứng cứ chứng minh chị bị ép buộc viết giấy nợ. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, buộc chị H phải trả cho chị H số tiền gốc còn nợ là 5.850.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định tại điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn chị Bùi Thị Thu H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, chị Bùi Thị Thu Hương phải chịu 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Bùi Thị Thu H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 209/2024/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị H.

- Buộc chị Bùi Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh Thị H 5.850.000.000 đồng (Năm tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng).

- Bác lời nại của chị Bùi Thị Thu H đã trả hết tiền gốc.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Thu H phải chịu 113.850.000 đồng (Một trăm mười ba triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng).

Hoàn trả lại cho chị Huỳnh Thị H 56.925.000 đồng (Năm mươi sáu triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000455 ngày 25/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Bùi Thị Thu H phải chịu 300.000đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị H đã nộp theo Biên lai thu số 0000373 ngày 13/9/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

4. Quyền và nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND Tp Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Bình